

*Bản án số: 30/2022/HS-ST*  
*Ngày: 16-3-2022*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Lâm và ông Nguyễn Hữu Phước.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Nguyễn Việt Cường – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Lê Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 14/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Đình Q - sinh năm: 2001 tại Đà Nẵng; nơi ĐKNKTT: Tổ 05, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ và bà Lê Thị Tường V (s); vợ con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 28/02/2017, bị Công an phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số: 22/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây mất trật tự ở khu dân cư”.

- Ngày 15/3/2017, bị Công an phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số: 26/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây mất trật tự ở khu dân cư”.

- Ngày 10/6/2017, bị Chủ tịch UBND phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số: 310/QĐ-UBND áp dụng biện pháp giáo dục tại Phường với thời hạn 06 tháng, kể từ ngày 10/6/2017.

- Ngày 25/8/2017, bị Công an phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số: 76/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây mất trật tự ở khu dân cư”.

- Ngày 22/10/2017, bị Công an phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số: 105/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 06/12/2017, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số: 130/2017/QĐ-TA v/v áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn là 18 tháng.

- Ngày 23/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng ra bản án số: 78/2018/HSST xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 và 06 tháng tù “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06 tháng 11 năm 2021 (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị Phương T – sinh năm: 2000; nơi tạm trú: Đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Chị Phan Thị Mỹ H – sinh năm: 2001; nơi ĐKNKTT: Đường ĐT, thôn A, xã H, huyện Y, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Thôn X, xã E, huyện A, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt có lý do).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đình Q và chị Nguyễn Thị Phương T có quan hệ tình cảm nhưng hai bên đã chấm dứt mối quan hệ.

Đến khoảng 15 giờ ngày 03 tháng 3 năm 2021, chị Nguyễn Thị Phương T điều khiển xe mô tô chở Phan Thị Mỹ H đến trước chợ Tân Chính, thành phố Đà Nẵng gặp Lê Đình Q để lấy lại giấy chứng minh nhân dân của chị T do Q giữ trước đó. Khi gặp nhau, Q nói để giấy chứng minh nhân dân của chị T ở nhà Q tại số X đường H, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng rồi Q điều khiển xe mô tô của chị T chở chị T và chị H đi về nhà mình để lấy. Khi đến trước nhà số Y đường Lê Duẩn, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, Q dừng xe lại, yêu cầu chị H xuống xe để đi riêng với chị T nhưng chị T không đồng ý. Lúc này, Q chửi bới chị T, yêu cầu chị T đưa trả điện thoại mà Q đã mua tặng, chị T không đồng ý và sợ Q giật lấy nên bỏ chạy. Q liền đuổi theo vật chị T xuống đường, dùng tay đánh vào mặt chị T nhiều cái để giật điện thoại nhưng chị T bỏ điện thoại vào bên trong túi xách nên Q không giật được. Sau đó, chị T vùng ra chạy lại phía xe mô tô của mình thì Q tiếp tục đuổi theo dùng tay đánh vào mặt chị T khoảng 05 cái nữa làm chị T ngã xuống đường rồi dùng một tay khống chế chị T, tay còn lại Q mở túi xách lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R9S màu vàng và ví da nữ màu nâu bên trong có 1.000.000đ (*một triệu đồng*) và một số giấy tờ khác rồi bỏ chạy, chị T đuổi theo nhưng không kịp. Q tiêu xài hết số tiền 1.000.000đ, còn điện thoại di động do Q nhập mật khẩu không được nên đập bể và vứt đi, không thu giữ được. Đến 16 giờ 05 phút cùng ngày, chị T đến Công an phường Tân Chính, quận Thanh Khê trình báo sự

việc. Chị T chỉ bị trầy xước ngoài da, bầm tím trên vùng mặt và cổ nên không yêu cầu giám định.

*Vật chứng tạm giữ:* Thu giữ từ Lê Đình Q 01 (một) ví da của chị T, bên trong gồm có: 01 (một) bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Thị Phương T, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng SHB mang tên Nguyễn Thị Phương T và 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Trần Sơn L.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Thanh Khê xác định: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R9S có giá trị: 1.450.000đ (*một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), ví da nữ có giá trị: 10.000đ (*mười nghìn đồng*); tổng giá trị 02 tài sản trên là: 1.460.000đ (*một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Sau khi gây án, Lê Đình Q bỏ trốn. Vào ngày 01 tháng 7 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê ra Quyết định truy nã đối với Q. Đến ngày 06 tháng 11 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê bắt truy nã Q tại phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê trả lại các vật chứng đã tạm giữ nêu trên cho chị T.

Từ những nội dung trên, tại Cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Đình Q về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- + Tuyên bố bị cáo Lê Đình Q phạm tội "Cướp tài sản".
- + Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm d khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù.
- + Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị T số tiền .450.000đ (*hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).
- + Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Đình Q thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng với nội dung Cáo trạng đã truy tố bị cáo. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được sớm trở về với gia đình.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt vào ngày 14 tháng 3 năm 2022, bị hại chị Nguyễn Thị Phương T yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị điện thoại di động bị chiếm đoạt là 1.450.000đ (*một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) và 1.000.000đ tiền mặt mà bị cáo đã chiếm đoạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo Lê Đình Q tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Lê Đình Q và chị Nguyễn Thị Phương T có quan hệ tình cảm nhưng đã chấm dứt mối quan hệ. Vào khoảng 15h ngày 03 tháng 3 năm 2021, chị T chở bạn là chị Phan Thị Mỹ H đến phía trước chợ Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng gặp Q để lấy chứng minh nhân dân của chị T do Q cất giữ. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô của chị T chở chị T cùng chị H đến nhà Q ở tại số X đường H, phường V, quận K - nơi Q đang cất giữ chứng minh nhân dân của chị T. Trên đường đi, giữa Q và chị T xảy ra cãi vã, khi đến trước nhà số Y đường Lê Duẩn, phường Tân Chính, quận Thanh Khê thì Q cho dừng xe lại, yêu cầu chị T giao điện thoại mà Q đã tặng nhưng chị T không đồng ý và bỏ chạy nhằm thoát khỏi Q. Q liền đuổi theo vật chị T xuống đường, dùng tay đánh vào mặt chị T nhiều cái để giật điện thoại nhưng chị T bỏ điện thoại vào bên trong túi xách nên Q không giật được. Sau đó, chị T vùng ra chạy lại phía xe mô tô của mình thì Q tiếp tục đuổi theo dùng tay đánh vào mặt chị T khoảng 05 cái nữa làm chị T ngã xuống đường rồi dùng một tay khống chế chị T, tay còn lại Q mở túi xách lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R9S màu vàng và 01 ví da nữ màu nâu bên trong có 1.000.000đ (*một triệu đồng*) cùng một số giấy tờ khác rồi bỏ chạy. Sau khi chiếm đoạt tài sản, Q tiêu xài cá nhân hết số tiền 1.000.000đ, còn điện thoại di động thì đập phá rồi vứt đi nên không thu hồi được. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 2.460.000đ (*hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

[2] Hành vi dùng vũ lực rồi chiếm đoạt tài sản của người khác như trên đây của bị cáo đã phạm vào tội "Cướp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng vì sự tham lam mà xem thường luật pháp, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, tài sản của người khác. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử lý vi phạm hành chính, đã bị xử phạt tù về các hành vi xâm phạm tài sản của người khác. Sau khi phạm tội, bị cáo lại bỏ trốn, gây khó khăn cho quá trình điều tra. Do vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] *Xét về nguyên nhân, tính chất và mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:* Xuất phát từ việc chị T không đồng ý đi một mình cùng với bị cáo để lấy chứng minh nhân dân nên dẫn đến cãi vã trên đường đi, do bức tức nên bị cáo dừng xe yêu cầu chị T trả lại điện thoại di động mà bị cáo đã tặng nhưng chị T không đồng ý trả lại và bỏ chạy. Tuy nhiên, bị cáo vẫn đuổi theo vật ngã xuống đường phố, dùng tay đánh nhiều cái vào mặt rồi giật lấy điện thoại nhưng không lấy được do chị T bỏ điện thoại vào túi xách. Sau đó, chị T vùng chạy thoát quay về lại nơi để xe thì bị cáo tiếp tục đuổi theo, đánh nhiều cái vào mặt làm chị T ngã xuống đường, lúc này bị cáo dùng một tay khống chế chị T, một tay mở túi xách chiếm lấy tài sản rồi bỏ chạy. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự liên tục, quyết liệt, cố tình chiếm đoạt tài sản đến cùng. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo bị thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự với tình tiết

“Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, không thuộc trường hợp “Có tính chất côn đồ” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại chị Nguyễn Thị Phương T yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 2.450.000đ (*hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) gồm: Giá trị điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R9S màu vàng là 1.450.000đ và 1.000.000đ tiền mặt mà bị cáo đã chiếm đoạt. Xét thấy, hiện nay bị cáo vẫn chưa bồi thường nên yêu cầu của bị hại phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự. Vì thế, Hội Đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 2.450.000đ (*hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

[7] *Về xử lý vật chứng:* Trong giai đoạn điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại toàn bộ các vật chứng bị thu giữ gồm: 01 (một) ví da bên trong có: 01 (một) bảo hiểm y tế, 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng SHB và 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank. Do vậy, Hội đồng xét xử không xử lý vật chứng.

[8] *Về án phí:* Bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Trong giai đoạn điều tra và truy tố, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng. Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Như vậy, hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 168, điểm e khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đình Q phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Đình Q 04 (*bốn*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 11 năm 2021 (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng).

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Phương T số tiền 2.450.000đ (*hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/3/2022). Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQCSĐT CA quận Thanh Khê;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- Bị cáo, đương sự;
- Nhà tạm giữ CA quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Đức Tuấn**